TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/HS-PT
Ngày 20 – 4 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 282/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Quang B do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Phạm Quang B, sinh năm 1987 tại Thái B; HKTT và chỗ ở: Tổ 4, ấp TC, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nhân viên thu hồi nợ của Ngân hàng FE CREDIT; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quang I và bà Trần Thị M; có vợ là bà Nguyễn Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 30/7/2019, *(có mặt).*

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo B: Ông Đỗ Hải B1 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt).*

- *Bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: 810 đường A, phường RD, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(có mặt);*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Trần Cao Đại Kỳ Q – Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, *(có mặt).*

- *Bị hại có liên quan đến kháng cáo:*

1. Ông Huỳnh Lâm H, sinh năm 1984; địa chỉ: 47 đường số 9, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, *(vắng mặt)*.

2. Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1967; địa chỉ: 100 NQ, phường RD, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(vắng mặt)*.

3. Ông Trần Hoàng H1, sinh năm 1969; địa chỉ: 604 đường A, phường RD, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(vắng mặt)*.

4. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 4, phường PN, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(vắng mặt)*.

5. Ông Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 3, thôn 2, xã SR, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(vắng mặt)*.

6. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 10, Khu phố 6, thị trấn NG, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 4, ấp TC, xã CP, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *(có mặt).*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 (năm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang B là nhân viên thu hồi nợ của Ngân hàng FE CREDIT thuộc Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Năm 2015, B có huy động vốn của một số cá nhân để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, do công việc không thuận lợi và số tiền vay được B đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết, B không có khả năng chi trả các khoản tiền đã vay trước đó nên B nảy sinh ý định huy động tiền của người vay sau để thanh toán tiền lãi vay cho người vay trước, với lãi suất khác nhau do hai bên tự thỏa thuận (thấp nhất là 5%/ tháng, cao nhất 15%/tháng, có trường hợp từ 5%/vụ/tuần lên 7%/vụ/3 ngày). Để thực hiện ý định này, B đưa ra thông tin không có thật là sẽ dùng số tiền huy động được vào việc cho vay đáo hạn ngân hàng; mua nợ xấu của các ngân hàng Agribank, Viettinbank, Sacombank… và chia lợi nhuận thông qua các hoạt động nói trên đúng hạn để tạo lòng tin cho những người cho B vay tiền.

Với thủ đoạn như trên, bắt đầu từ năm 2016 (không nhớ rõ thời gian cụ thể), Phạm Quang B đã huy động và chiếm đoạt của các cá nhân số tiền cụ thể như sau (căn cứ vào lời khai của Phạm Quang B, lời khai của các bị hại và các tài khoản giao dịch tại các ngân hàng):

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: 810 đường A, phường RD, thành phố VT, bị chiếm đoạt số tiền 103 tỷ đồng. Thông qua 01 giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 với số tiền 20 tỷ đồng (BL 1279); 01 giấy cam kết đề ngày 15/12/2018 với số tiền 51 tỷ đồng (BL 1292); 01 giấy nhận vay với số tiền 20 tỷ đồng thời gian từ 19/12/2018 đến 20/12/2018 (BL 1293); 02 hóa đơn chuyển tiền qua ngân hàng Agribank và ngân hàng Maritime số tiền 12 tỷ đồng (BL 1294; 1295).

2. Huỳnh Lâm H, sinh năm 1984; địa chỉ: 47 đường số 9, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, bị chiếm đoạt số tiền 15,877 tỷ đồng (trong đó Phan Trọng H2, sinh năm: 1985, trú tại: 36/31/5/7 đường số 4, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh, góp với H số tiền là 2,336 tỷ đồng). Qua thống kê các giao dịch tại Ngân hàng Sacombank, tổng cộng Huỳnh Lâm H, Phan Trọng H2 đã chuyển cho B tổng số tiền 191,882 tỷ đồng và B đã chuyển trả lại tiền cho 02 bị hại trên số tiền 176,005 tỷ đồng. Như vậy, số tiền B chiếm đoạt của Huỳnh Lâm H, Phan Trọng H2 là 15,877 tỷ đồng (BL 1361 đến 1432).

3. Đoàn Văn T1, sinh năm 1967; địa chỉ: 100 NQ, phường RD, thành phố VT, bị chiếm đoạt số tiền 2,570 tỷ đồng. Bao gồm chuyển khoản vào tài khoản của B tại Ngân hàng Sacombank và đưa tiền mặt (BL 1527- 1539).

4. Trần Hoàng H1, sinh năm 1986; địa chỉ: 604 đường A, phường RD, thành phố VT bị chiếm đoạt số tiền 1,770 tỷ đồng thông qua 02 giấy vay tiền ghi ngày 24/10/2017 số tiền 800 triệu đồng và 970 triệu đồng (BL 1563-1565).

5. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 9, phường PN, thành phố BR, bị chiếm đoạt 1,464 tỷ đồng. Nguyễn Hồng P đưa tiền cho B bằng tiền mặt, không có chứng từ chứng minh, chỉ thông qua nhắn tin. B và P thống nhất số tiền B chiếm đoạt của P số tiền 1,464 tỷ đồng (BL 1580 - 1581).

6. Nguyễn Hoàng L1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 3, thôn 2, xã SR, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là anh vợ của B), bị chiếm đoạt số tiền 24,829 tỷ đồng. Thông qua hai giấy giao nhận tiền ngày 25/12/2018 số tiền 11,250 tỷ đồng và 21 tỷ đồng (BL 1616-1617), sau khi trừ số tiền lãi đã nhận, Phạm Quang B và Nguyễn Hoàng L1 thống nhất số tiền B chiếm đoạt là 24,829 tỷ đồng.

7. Nguyễn Hoàng L2, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn 2, xã SR, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (là anh vợ của B) có giấy B vay 12,400 tỷ đồng (BL

1561). Hiện nay L2 đã chết, vợ của L2 không biết gì về việc này nên không thống kê được số tiền lợi nhuận mà L2 đã nhận từ B.

Tổng cộng số tiền Phạm Quang B chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Lâm H, ông Đoàn Văn T1, ông Trần Hoàng H1, ông Nguyễn Hồng P, ông Nguyễn Hoàng L1, ông Nguyễn Hoàng L2 (sau đây gọi tắt là các bị hại) là: 161,91 tỷ đồng. Hiện tại, Phạm Quang B không có khả năng để trả lại số tiền nói trên cho các bị hại.

Đến đầu năm 2018, các chủ nợ đồng loạt yêu cầu B trả nợ để họ đầu tư vào bất động sản. Lúc này B không có khả năng trả nợ nên B đã dùng thủ đoạn tăng lãi suất và rút ngắn thời gian trả lãi để làm cho các chủ nợ tin tưởng tiếp tục cho B vay. Do tin tưởng vào những điều B nói nên những chủ nợ nói trên đồng ý cho B vay tiếp. Đến ngày 27/12/2018, do không có khả năng trả lãi và gốc cho các cá nhân nói trên nên B bỏ trốn ra Hà Nội. Tại đây, B thuê một đối tượng qua mạng Internet (không rõ nhân thân, địa chỉ) để làm giả cho B 01 hợp đồng chuyển nhượng dự án số 1233/HĐKT/NHNNVN có mẫu dấu của "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM * M.S.D.N - 0106238852-C.T.T.N.H.H * Q. HOÀN KIẾM-T.P HÀ NỘI" về việc mua dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng BC-HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và 03 giấy giao nhận tiền mặt giữa B và đối tượng tên "Lê Minh T3" với tổng số tiền 277 tỷ đồng nhằm mục đích để B đưa cho các chủ nợ xem để tạo dựng lý do mình bị đối tượng "Lê Minh T3" là nhân viên công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam lừa mua dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng nói trên nên hiện tại B không thể thanh toán tiền cho các chủ nợ được, để các chủ nợ không gây áp lực đòi nợ với B. Các giấy tờ giả nêu trên được B thuê làm giả với giá 3.000.000 đồng và B nhận vào ngày 01/01/2019 tại gần sân bay TSN, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua xe ôm Grab và thanh toán thông qua dịch vụ chuyển tiền của Viettel. Sau đó B về gặp và đưa cho các chủ nợ xem.

Ngày 17/12/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-ANĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám định hình dấu nói trên.

Ngày 26/12/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra bản kết luận giám định số 04/PC09-Đ2 kết luận: hình dấu giáp lai, hình dấu tròn có nội dung "CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM * M.S.D.N - 0106238852-C.T.T.N.H.H * Q. HOÀN KIẾM-T.P HÀ NỘI" được đóng trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 với hình dấu trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M2 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Phạm Quang B nhận thức được việc đặt làm giả các loại giấy tờ nêu trên là phạm tội nhưng vì muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên vẫn làm giả các loại giấy này để lừa dối các chủ nợ. Hành vi làm giả hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án số 1233/HĐKT/NHNNVN, 03 giấy giao nhận tiền mặt giữa B và "Lê Minh T3" - nhân viên công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam mua dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng BC-HT, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu của Phạm Quang B phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-P1 ngày 19/3/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Phạm Quang B về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức"* theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 01/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

- *Về trách nhiệm hình sự:*

Tuyên bố bị cáo Phạm Quang B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Quang B tù Chung thân về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

+ Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Quang B 01 (một) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Phạm Quang B phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là tù Chung thân, thời hạn tính từ ngày 30/7/2019.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Phạm Quang B phải bồi thường cho ông, bà có tên sau đây với số tiền như sau:

1- Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 103 tỷ đồng.

2- Bồi thường cho ông Huỳnh Lâm H số tiền 15,877 tỷ đồng.

3- Bồi thường cho ông Đoàn Văn T1 số tiền 2,570 tỷ đồng.

4- Bồi thường cho ông Trần Hoàng H1 số tiền 1,770 tỷ đồng.

5- Bồi thường cho ông Nguyễn Hồng P số tiền 1,464 tỷ đồng.

6- Bồi thường cho ông Nguyễn Hoàng L1 số tiền 12 tỷ đồng.

7- Bà Lê Thị T2 số tiền 12,400 tỷ đồng.

8- Bồi thường cho ông Phí Nhật H3 số tiền 14,5 tỷ đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/4/2021, bị cáo Phạm Quang B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển tội danh của bị cáo từ *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* sang tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* với lý do: Bị cáo vay tiền có lập các chứng từ rõ ràng, hai bên có thương lượng về lãi suất và vay với mức lãi suất quá cao từ bị hại; vì vậy, bị cáo có được tài sản là hợp pháp. Đồng thời, bị cáo Phạm Quang B kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ số tiền mà bà T, ông H nhận trên tài khoản để trừ đi số tiền thiệt hại; mức bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là chưa đủ căn cứ.

Ngày 06/4/2021, bị hại Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về nội dung Tòa án cấp sơ không tuyên buộc bà Nguyễn Thị L (vợ bị cáo Phạm Quang B) chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền đã vay của bà T vì các cơ quan tố tụng chưa làm rõ vai trò của bà L trong vụ án; các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ nguồn tiền mà bị cáo B chiếm đoạt của các bị hại, chưa làm rõ số tiền gốc và tiền lãi mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo B. Vì vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung để vụ án được giải quyết khách quan và minh bạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Quang B trình bày, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại về số tiền mà cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại. Vì bị cáo chỉ chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị T 4,5 tỷ đồng tiền gốc; đối với ông Nguyễn Hoàng L1 bị cáo không nhớ cụ thể nên yêu cầu được đối chất; đối với các bị hại còn lại bị cáo không chiếm đoạt tiền của họ. Đồng thời, bị cáo kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần xử lý vật chứng vì quyết định xử lý vật chứng của Tòa án

cấp sơ thẩm không đúng với Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*", bị cáo không kháng cáo vì Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan sai.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phần xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Phạm Quang B phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật, không oan cho bị cáo.

Đối với số tiền bị cáo Phạm Quang B chiếm đoạt của các bị hại thì Cơ quan điều tra đã đối chiếu các giấy vay tiền, giấy nhận nợ, cam kết sao kê tài khoản ngân hàng nên số liệu cấp sơ thẩm đã kết luận là chính xác. Về vật chứng của vụ án cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử lý theo đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo B về số tiền chiếm đoạt và xử lý vật chứng là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị T, nhận thấy: Vợ của bị cáo B là bà Nguyễn Thị L không trực tiếp hỏi vay tiền bà T. Đồng thời, không có tài liệu, chứng cứ nào khác đủ căn cứ chứng minh vợ bị cáo trực tiếp hỏi vay và sử dụng tiền của bà T, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Bị cáo Phạm Quang B trình bày lời bào chữa:

Bị cáo không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Cơ quan điều tra không thống kê đúng số tiền của các bị hại, ví dụ như số tiền 05 tỷ đồng bị cáo chuyển cho bị hại Huỳnh Lâm H nhưng trong thống kê chỉ ghi 500 triệu đồng. Ngoài ra, ông Phan Trọng H2 có nhận tiền từ bị cáo 03 lần nhưng Cơ quan điều tra chỉ thống kê 01 lần vào ngày 22/8/2018 số tiền 1,8 tỷ đồng, còn 01 lần ngày 18/10/2018 số tiền 3,150 tỷ đồng và 01 lần số tiền 1,280 tỷ đồng thì không được đưa vào. Quá trình làm ăn, bị cáo có chuyển tiền qua tài khoản của ông H tại VPBank, bị cáo có yêu cầu sao kê tài khoản VPBank của ông H để đối chiếu nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện. Trong quá trình điều tra, Điều tra viên nói cứ ký đi rồi có gì ra Tòa trình bày, không đưa tài liệu cho bị cáo đối chất.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T 103 tỷ đồng là không đúng. Thực tế trong đó chỉ có 4,5 tỷ đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi. Còn số tiền 51 tỷ đồng mà bà T khai thì thực chất chỉ có hơn 45 tỷ đồng tiền gốc cộng thêm 05 tỷ đồng tiền lãi thành 51 tỷ đồng chứ 05 tỷ đồng này bị cáo không vay. Sau khi chốt nợ, chỉ tính riêng tổng số tiền bị cáo chuyển cho bà T theo Bảng sao kê tài khoản của ngân hàng đã là 72,350 tỷ đồng; số tiền này bị cáo nói là tiền lãi, còn bà T nói là tiền gốc thì bà T phải chỉ ra được là chi trả cho khoản gốc nào.

Đối với các bị hại khác như ông Trần Hoàng H1, ông Nguyễn Hồng P thì bị cáo không tiếp cận, do những người này có tiền nên tự họ thỏa thuận với bị cáo cho vay lấy lãi chứ bị cáo không đưa ra thông tin gian dối gì cả; bị cáo từ chối chiếm đoạt tiền của 2 người này. Còn ông Nguyễn Hoàng L1 bị cáo không từ chối, nhưng bị cáo không nhớ cụ thể nên yêu cầu được đối chất. Về số tiền của các bị hại khác cũng là không có căn cứ, vì họ không có đơn tố cáo, họ yêu cầu tự giải quyết với bị cáo nhưng cấp sơ thẩm vẫn xác định họ là bị hại để truy tố, xét xử bị cáo là trái với quy định pháp luật

+ Luật sư Đỗ Hải B1 bào chữa cho bị cáo Phạm Quang B tranh luận:

Mặc dù bị cáo Phạm Quang B không kháng cáo về tội danh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không có cơ sở. Vì cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo B bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều bị hại trong khoảng thời gian dài. Thế nhưng, bị cáo B chiếm đoạt tài sản của từng bị hại bằng thủ đoạn gian dối từ khi nào và bằng thủ đoạn gian dối cụ thể nào, thì các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa chứng minh làm rõ. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo B chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền 161,91 tỷ đồng, trong đó có cả tiền lãi, là trái với quy định pháp luật. Việc xác định chính xác số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là nghĩa vụ chứng minh của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo B đã có khiếu nại về số tiền 103 tỷ đồng của bị hại bà Nguyễn Thị T, khiếu nại này đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nhưng Viện kiểm sát không điều tra bổ sung, giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo để xét xử vụ án, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định số tiền bị cáo B chiếm đoạt của các bị hại như Cáo trạng đã truy tố là bất lợi cho bị cáo, không đúng quy định pháp luật. Với những lý do nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo B, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

+ Bị cáo Phạm Quang B trình bày: Đồng ý với lời bào chữa của Luật sư nêu trên.

+ Bị hại bà Nguyễn Thị T trình bày tranh luận: Trước khi bà Nguyễn Thị L ra quán cà phê ký vào Giấy vay tiền và cam kết thì bà L đã biết việc bị cáo B nhận tiền của bà và đã nhiều lần bà điện bà L ra ký giấy nhưng bà L không ra gặp bà, những lúc như vậy thì bị cáo B nói bị cáo nhận là được rồi. Sau đó, bà có nói với bị cáo B nếu bà L không trực tiếp ra ký giấy thì bà không đưa tiền nữa nên bà L mới ra quán cà phê ký vào Giấy vay tiền và cam kết ngày 10/11/2018. Bà L ký Giấy vay tiền và cam kết mà giờ lại nói không chịu trách nhiệm là không hợp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B cho rằng chỉ nhận của bà 4,5 tỷ đồng tiền gốc là không đúng vì số tiền gốc bị cáo B nhận chủ yếu bằng tiền mặt, mỗi lần vay đều có giấy tờ cụ thể và có một số lần vay bà có chuyển khoản qua Ngân hàng. Việc này bà đã cung cấp đầy đủ giấy tờ, tài liệu chứng cứ cho Cơ quan điều tra, đủ chứng minh bị cáo B chiếm đoạt của bà 103 tỷ đồng, bị cáo B nói đã trả cho bà thì bị cáo phải xuất trình các tờ giấy chứng minh, nhưng đến giờ bị cáo chỉ nói miệng mà không có giấy tờ gì.

+ Luật sư Trần Cao Đại Kỳ Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Nguyễn Thị T, trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, vì tại quyết định đưa vụ án ra xét xử không đưa bà Nguyễn Thị L vào tham gia tố tụng nhưng khi bà L có mặt tại phiên tòa sơ thẩm lại đưa vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, như vậy là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Cấp sơ thẩm và vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đánh giá vai trò của bà L là chưa khách quan. Cụ thể, bị cáo B và bà L là vợ chồng, có nhận thức văn hóa, đọc hiểu B thường, cùng nhau thừa nhận đã tự nguyện ký vào Giấy vay tiền và cam kết đến ngày 10/11/2018 còn nợ bà T 20 tỷ đồng. Số tiền này không phải nhận ngay lúc đó mà nhận nhiều lần. Trong khi sao kê tài khoản của bà L thường xuyên có nguồn tiền đến và đi chưa được Cơ quan điều tra làm rõ xem có phải tiền bị cáo B vay của bà T về rồi chuyển cho vợ hay không. Từ đó thấy rằng, Cấp sơ thẩm và vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm đánh giá bà L không liên quan đến số tiền bị cáo B đã chiếm đoạt của bà T là không khách quan, không đảm bảo trách nhiệm bồi thường dân sự, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu thập chứng cứ quan trọng để xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T đi đâu về đâu, sử dụng vào mục đích gì và ai là người sử dụng? Cụ thể như khoản tiền vay cuối cùng vào ngày 26/12/2018 là 12 tỷ đồng, bà T vừa chuyển vào tài khoản của bị cáo B thì 10 phút sau bị cáo đã tẩu tán, hầu hết là chuyển khoản. Vậy bị cáo B đã chuyển

khoản tiền này cho ai, với mục đích gì cũng cần phải được điều tra làm rõ để xem có đồng phạm với bị cáo hay không, nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể làm rõ tại phiên tòa hôm nay.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại để khắc phục, làm rõ các nội dung, vấn đề nêu trên, đảm bảo giải quyết vụ án rõ ràng, khách quan và triệt để.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm trình bày đối đáp:

Về ý kiến của Luật sư cho rằng Cơ quan điều tra không làm rõ số tiền bị cáo nhận của các bị hại được bị cáo sử dụng với mục đích gì, nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã làm rõ việc bị cáo dùng tiền người sau trả cho người trước. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay so với phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án này không có vấn đề gì mới.

Về việc tại quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị L vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã khắc phục và đưa bà L vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, như vậy là không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018 đã được Cơ quan điều tra đã thu thập đầy đủ chứng cứ, trong đó đã có bản đối chiếu giữa bị cáo và bị hại, nên cấp sơ thẩm kết luận số tiền bị cáo chiếm đoạt của từng bị hại là phù hợp, đúng với các biên bản đối chiếu.

Về việc Luật sư cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với bà L, nhận thấy: Mặc dù, bà L có ký vào Giấy vay tiền và cam kết đến ngày 10/11/2018 còn nợ bà T 20 tỷ đồng, nhưng đây là số tiền bị cáo B vay của bà T nhiều lần trước đó cộng gộp lại, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Luật sư bảo vệ cho bà T cũng nói như vậy. Qua đó có đủ cơ sở xác định, số tiền 20 tỷ đồng này đã bị bị cáo B chiếm đoạt của bà T trước đó, bà L không liên quan đến việc vay số tiền này nên không có cơ sở để quy kết bà L đồng phạm.

Viện kiểm sát nhận thấy, quan điểm của 02 (hai) Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Luật sư Trần Cao Đại Kỳ Q trình bày đối đáp: Kiểm sát viên cho rằng bị cáo vay của người sau trả người trước là kết luận chung chung, vì cụ thể bị

cáo trả cho ai, trả bao nhiêu thì Cơ quan điều tra chưa điều tra nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

+ *Bị cáo Phạm Quang B trình bày đối đáp:* Bà T cho rằng bị cáo chiếm đoạt số tiền 103 tỷ đồng, thì theo giấy chốt nợ kể từ ngày 15/12/2018 không phát sinh vay mới, vậy từ ngày 15/12/2018 đến 28/12/2018, bị cáo đã chuyển cho bà T 74,120 tỷ đồng, vậy đây là tiền gì? Bị cáo nói là tiền lãi, bà T nói là tiền gốc, vậy số tiền này trả cho khoản vay nào của bị cáo, không được cấp sơ thẩm làm rõ. Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo cùng cho rằng lời trình bày, lời khai của bị cáo và bị hại tại phiên tòa phúc thẩm là chứng cứ mới, nhưng Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn cho rằng vụ án không có chứng cứ mới là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra và xét xử lại vụ án.

+ *Bị hại bà Nguyễn Thị T trình bày đối đáp:* Khi chốt nợ, bị cáo B đã đối chiếu tất cả các giấy tờ vay nhận tiền gốc của bà thì mới ký xác nhận và tại các giấy chốt nợ đều có ghi là các giấy tờ vay nhận tiền gốc đã qua không còn giá trị nữa. Các lần bị cáo vay nhận tiền của bà, hai bên đều lập giấy và đều được bà chuyển cho bị cáo bằng tiền mặt, còn bị cáo nói đã trả tiền vay nhận gốc cho bà thì bị cáo phải có giấy tờ chứng minh. Đến giờ bị cáo B không có giấy tờ gì nhưng bị cáo lại hỏi như vậy, bà không biết giải thích kiểu gì, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

+ *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm trình bày đối đáp:*

Trong vụ án này, bị cáo Phạm Quang B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" không thuộc trường hợp khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B thừa nhận thủ đoạn gian dối là dùng tiền của người sau trả cho người trước. Số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo B chiếm đoạt của bị hại tổng số tiền 161,91 tỷ đồng là chính xác. Vì vậy, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quang B và không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Quang B và đơn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án có triệu tập bị hại gồm ông Huỳnh Lâm H, ông Đoàn Văn T1, ông Trần Hoàng H1, ông Nguyễn Hoàng Phi, ông Nguyễn Hoàng L1 và bà Lê Thị T2, nhưng những người này vắng mặt không vì lý do bất

khả kháng và không do trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Phạm Quang B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như sau:

[1] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Phạm Quang B phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bằng thủ đoạn gian dối là huy động tiền của các cá nhân với mục đích để đáo hạn ngân hàng, mua nợ xấu và rút Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người đang thế chấp vay trong ngân hàng ra bán kiếm lợi nhuận và chia lại lợi nhuận cho những người mà bị cáo B đã huy động tiền với hiệu suất lợi nhuận cao (thấp nhất là 5%/ tháng, cao nhất 15%/tháng, có trường hợp từ 5%/vụ/tuần lên 7%/vụ/3 ngày) làm cho nhiều người tin tưởng nên đầu tư tiền mặt cho bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi cao. Tuy nhiên, thực tế bị cáo đã lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ tiền rất nhiều người với số tiền lớn, nên bằng hình thức kêu gọi huy động tiền từ các cá nhân với cam kết, hứa hẹn tỉ suất lợi nhuận cao, qua đó nhiều người tin tưởng bị cáo B làm ăn lớn, có uy tín là có thật, nhưng trên thực tế bị cáo lừa đảo lấy tiền người vay sau để trả lãi cho người vay trước. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Quang B thừa nhận có dùng tiền vay của người sau trả cho người vay trước. Tuy nhiên, về vấn đề này, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, Phạm Quang B là nhân viên thu hồi nợ của Ngân hàng FE CREDIT thuộc Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Từ năm 2015, B có huy động vốn của một số cá nhân để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng là có thật. Trong số các bị hại mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định, đa số đều có mối quan hệ thân quen với bị cáo Phạm Quang B, tất cả các bị hại đều thực hiện việc chuyển tiền qua lại với Phạm Quang B nhiều lần và trong khoảng thời gian đủ để tìm hiểu, cân nhắc thực hiện ý chí tự nguyện của mình trong các lần chuyển tiền cho B. Các bị hại chuyển tiền cho bị cáo B theo các giấy vay tiền, giấy giao nhận tiền, theo tin nhắn, qua tài khoản và bằng tiền mặt. Trong các giấy vay tiền, giấy giao nhận tiền đều không ghi mục đích của việc vay tiền.

[1.1.1] Đáng chú ý, đối với bà Nguyễn Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận, bị cáo B chiếm đoạt của bà T số tiền 103 tỷ đồng. Thông qua 01 giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 với số tiền 20 tỷ (BL 1279); 01 giấy cam kết đề ngày 15/12/2018 với số tiền 51 tỷ (BL 1292); 01 giấy nhận vay với số tiền 20 tỷ thời gian từ 19/12/2018 đến 20/12/2018 (BL 1293); 02 hóa đơn chuyển tiền qua ngân hàng Agribank và ngân hàng Maritime số tiền 12 tỷ (BL 1294; 1295).

[1.1.1a] Tuy nhiên, tại Giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 (BL 1279) có nội dung thể hiện: *Hôm nay 10/11/2018, tôi (bà T) và anh Phạm Quang B đã xem xét lại các giấy tờ vay gốc và trả lãi trong thời gian qua theo sự tự nguyện của hai bên, đã thấy hợp lệ không bên nào gian dối, đi đến thống nhất và chốt lại. Bên vay anh Phạm Quang B, tổng cộng còn nợ gốc cho đến ngày hôm nay số tiền là 20 tỷ đồng. Trong số tiền này, tôi (bà T) cho Phạm Quang B và vợ là Nguyễn Thị L vay tiếp 20 tỷ đồng trong vòng thời gian 06 tháng. Khi nào cần tôi (bà T) báo trước anh B 10-20 ngày. Các giấy tờ viết tay, anh B đã vay tiền và những lần anh B trả tiền mặt hay giao dịch trả tiền qua tài khoản ngân hàng, kể từ hôm nay 10/11/2018 trở về trước không còn giá trị pháp lý để khiếu nại hay thắc mắc gì nữa trước pháp luật.* Tại Giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, Phạm Quang B và vợ là bà Nguyễn Thị L.

[1.1.1b] Tại Giấy vay tiền và cam kết đề ngày 15/12/2018 (BL 1292) cũng có nội dung thể hiện: *Hôm nay, tôi (bà T) và anh Phạm Quang B đã xem xét lại các giấy tờ vay gốc và trả lãi trong thời gian qua theo sự tự nguyện của hai bên đã thấy hợp lệ, không bên nào gian dối, đi đến thống nhất và chốt lại. Bên vay anh Phạm Quang B tổng cộng còn nợ gốc 04 lần vay, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 11/12/2018, số tiền là 51 tỷ đồng (Đợt II), cụ thể: Ngày 27/11/2018 vay 05 tỷ đồng; ngày 28/11/2018 vay 15 tỷ đồng; ngày 03/12/2018 vay 16 tỷ đồng; ngày 11/12/2018 vay 15 tỷ đồng. Trong số tiền này, tôi (bà T) cho anh B và vợ là Nguyễn Thị L vay tiếp, khi nào tôi (bà T) cần báo trước anh B từ 15 đến 20 ngày. Các giấy tờ viết tay, anh B đã vay tiền và những lần anh B trả tiền mặt hay giao dịch trả tiền qua tài khoản ngân hàng, kể từ hôm nay 14/12/2018 trở về trước không còn giá trị pháp lý để khiếu nại hay thắc mắc gì nữa trước pháp luật.*

[1.1.1c] Sau khi bà Nguyễn Thị T và bị cáo Phạm Quang B lập 02 giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 và ngày 15/12/2018 để chốt số nợ như trên, Phạm Quang B còn lập Giấy nhận vay của bà T 20 tỷ đồng từ 19/12/2018 đến 20/12/2018 và đã nhận đủ 20 tỷ đồng tiền vay này. Sau đó, đến ngày 26/12/2018 bà Nguyễn Thị T tiếp tục cho Phạm Quang B vay 20 tỷ đồng bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể đã chuyển 11,5 tỷ đồng vào tài khoản của Phạm Quang B tại ngân hàng Agribank và 500 triệu đồng vào tài khoản của Phạm Quang B tại ngân hàng Maritime.

[1.1.1d] Qua xem xét các giấy tờ, tài liệu bị cáo B vay tiền của bà T được hai bên xem xét để chốt nợ đều có quy định thời hạn vay nhưng không ghi mục đích của việc vay tiền. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Quang B và bà Nguyễn Thị T đều xác định, việc lập 02 giấy vay tiền và cam kết đề ngày

10/11/2018 và ngày 15/12/2018 để chốt số nợ như trên là sự tự nguyện của 02 bên. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ được thủ đoạn gian dối của bị cáo B trong việc lập 02 giấy vay tiền và cam kết đề ngày 10/11/2018 và ngày 15/12/2018 với các nội dung nêu trên.

[1.2] Qua đó nhận thấy, cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Phạm Quang B lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại bằng thủ đoạn gian dối như trên là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[2] Về số tiền mà cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Phạm Quang B chiếm đoạt của các bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm kết luận, tổng cộng số tiền bị cáo B chiếm đoạt của các bị hại là 161, 91 tỷ đồng, trong đó chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T 103 tỷ đồng đúng như Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, kết luận này của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ cơ sở, vì các lẽ sau:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm kết luận, bị cáo B chiếm đoạt của bà T số tiền 103 tỷ đồng. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 03/01/2020, bà Nguyễn Thị T trình bày, số tiền Phạm Quang B chiếm đoạt của bà T là 103 tỷ đồng, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi; tại Biên bản đối chất này, bị cáo B cũng trình bày đã chiếm đoạt của bà T số tiền cả gốc và lãi mà B còn nợ là 103 tỷ đồng. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử theo trình tự sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng đều nhận thấy trong số tiền 103 tỷ đồng mà bị cáo B bị quy kết là chiếm đoạt của bà T bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, nhưng vẫn truy tố, xét xử với kết luận bị cáo B chiếm đoạt của bà T 103 tỷ đồng trong khi chưa làm rõ được chính xác số tiền gốc và số tiền lãi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B cho rằng, trong số 103 tỷ đồng thì chỉ có 4,5 tỷ đồng là tiền gốc.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cả bà T và bị cáo B đều không trình bày chính xác số tiền gốc và tiền lãi, nhưng đây là vấn đề khi điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải chứng minh theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo B chiếm đoạt của bà T 103 tỷ đồng là không có căn cứ; cấp sơ thẩm chưa làm rõ được số tiền gốc và số tiền lãi trong tổng số tiền 103 tỷ đồng này là thuộc trường hợp điều tra không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

[2.2] Thêm nữa, qua xét xử tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy, bị cáo B và bà T đã lập giấy chốt nợ cả gốc và lãi vào các ngày 10/11/2018 và ngày 15/12/2018. Tuy nhiên, theo Bảng sao kê tài khoản của bà Nguyễn Thị T tại ngân hàng Maritime thì trong thời gian này bị cáo B vẫn nhiều lần chuyển tiền

cho bà T. Hơn nữa, từ ngày 15/12/2018 đến 28/12/2018 bị cáo B có chuyển vào tài khoản của bà T 03 lần: Ngày 21/12/2018 chuyển 02 lần, lần đầu 5,530 tỷ đồng, lần sau 100 triệu đồng và ngày 25/12/2018 chuyển 600 triệu đồng. Song, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử theo trình tự sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng không làm rõ số tiền này là tiền gì nên cũng thuộc trường hợp cấp sơ thẩm điều tra không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

[3] Mặt khác, trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

[3.1] Cáo trạng truy tố bị cáo B có nội dung ghi rõ *"Qua thống kê các giao dịch tại Ngân hàng Sacombank, tổng cộng Huỳnh Lâm H, Phan Trọng H2 đã chuyển cho B tổng số tiền 191,882 tỷ đồng và B đã chuyển trả lại tiền cho 02 bị hại trên số tiền 176,005 tỷ đồng. Như vậy số tiền B chiếm đoạt của Huỳnh Lâm H, Phan Trọng H2 là 15,877 tỷ đồng".* Tuy nhiên, trong quá trình xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Huỳnh Lâm H là bị hại còn đối với ông Phan Trọng H2 thì Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo B chiếm đoạt của ông H số tiền 15,877 tỷ đồng; còn đối với ông Phan Trọng H2, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định *"Do không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án nên không xem xét"*, là mâu thuẫn với nội dung Cáo trạng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Hiếu.

[3.2] Thêm nữa, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết cả quan hệ dân sự và buộc bị cáo B phải bồi thường về trách nhiệm dân sự không thuộc phạm vi truy tố của bản Cáo trạng như: Buộc bị cáo B bồi thường cho ông Phí Nhật H3 số tiền 14,5 tỷ đồng với nhận định: *"Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án anh Phí Nhật H3 có đầu tư góp vốn cho bị cáo là 14,5 tỷ đồng. Tại phiên tòa bị cáo và anh Hoàng xác nhận số tiền trên bị cáo chưa hoàn trả cho anh Hoàng; hiện anh Hoàng có yêu cầu bị cáo trả số tiền trên, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo phải bồi thường",* là vi phạm nghiêm trọng Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Từ những nhận định nêu trên xét thấy, do việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được và việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến đề nghị của các Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quang B và chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T; hủy phần bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Phạm Quang B về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và chuyển hồ sơ vụ

án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra lại vụ án đối với phần này theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo B còn cho rằng, quyết định về xử lý vật chứng của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng với Luật hôn nhân và gia đình, cùng các vấn đề khác, như: Số tiền 05 tỷ đồng bị cáo chuyển cho bị hại Huỳnh Lâm H nhưng trong thống kê Cơ quan điều tra chỉ ghi 500 triệu đồng; ông Phan Trọng H2 có nhận tiền từ bị cáo 03 lần nhưng Cơ quan điều tra chỉ thống kê 01 lần vào ngày 22/8/2018 số tiền 1,8 tỷ đồng, còn 01 lần ngày 18/10/2018 số tiền 3,150 tỷ đồng và 01 lần số tiền 1,280 tỷ đồng thì không được thống kê; quá trình làm ăn, bị cáo có chuyển tiền qua tài khoản của ông H tại VPBank, bị cáo có yêu cầu sao kê tài khoản VPBank của ông H để đối chiếu nhưng Cơ quan điều tra không thực hiện; bị cáo yêu cầu được đối chất với ông Nguyễn Hoàng L1 để xác định rõ số tiền của ông L1; đối với các bị hại khác như ông Trần Hoàng H1, ông Nguyễn Hồng P thì bị cáo không tiếp cận, mà là họ thỏa thuận với bị cáo cho vay lấy lãi chứ bị cáo không đưa ra thông tin gian dối đối với những người này mà do họ có tiền nên cho bị cáo vay.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T còn cho rằng, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chưa làm rõ vai trò của bà L trong vụ án; chưa thu thập chứng cứ xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà T đi đâu về đâu, sử dụng vào mục đích gì và ai là người sử dụng để xem có đồng phạm với bị cáo hay không?

Tất cả những vấn đề nêu trên sẽ được cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình điều tra lại vụ án.

[6] Những ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quang B và bị hại Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Quang B và bị hại Nguyễn Thị T, theo quy định pháp luật, không phải nộp.

[8] Các quyết định của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Quang B về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Quang B và chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị T;

Hủy một phần Bản án sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã xét xử đối với bị cáo Phạm Quang B về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; cụ thể là hủy các quyết định về trách nhiệm hình sự, về tổng hợp hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng của tội này và quyết định về án phí của bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để điều tra lại vụ án đối với phần này theo quy định của pháp luật.

2- Các quyết định của Bản án sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đối với bị cáo Phạm Quang B về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*" không có kháng cáo và không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật, cụ thể là các quyết định sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Quang B phạm tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*".

Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phạm Quang B 01 (một) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*". Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2019.

3- Căn cứ khoản 5 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Quang B cho đến khi Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý lại vụ án.

4- Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Quang B và bị hại Nguyễn Thị T không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Kèm hồ sơ vụ án);
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo (Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tống đạt cho bị cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, NTHN (26b).

Đỗ Đình Thanh